

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG TỈNH KHÁNH HÒA
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **ĐÀM THỊ BÍCH NGỌC**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **NGUYỄN THỊ LÝ**
2. Bà **NGUYỄN THỊ TỈNH**

*-Thư ký phiên tòa : Bà **TRẦN THỊ HỒNG** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Ông **NGUYỄN THANH BÌNH** – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 09 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 686/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 về yêu cầu “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 08 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 08 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **A**- Sinh năm 1994.

Địa chỉ: Xã N, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. Có mặt.

2. Bi đơn: Ông **B**- Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Phường M, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27/4/2017 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà A trình bày: Bà và ông B tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường M. Trong quá trình chung sống, bà và ông B phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bà và ông B đã sống ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà và ông B có 01 con chung là C– sinh ngày 30/9/2014 hiện nay bà đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu C. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông B vắng mặt.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.*

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà A được ly hôn với ông B, về con chung: giao con chung là C – sinh ngày 30/9/2014 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, về tài sản chung, nợ chung bà A không yêu cầu nên không xem xét; về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông B đã được Tòa triệu tập hợp lệ trong các phiên hòa giải và các phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông B.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự xác định bà A và ông B có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Nha Trang, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa bà A giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông B.

Xét: Cuộc sống chung vợ chồng giữa bà A và ông B phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bà và ông B đã sống ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay. Ông B đã bỏ mặc việc hòa giải và giải quyết quan hệ hôn nhân. Tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống chung vợ chồng cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà A.

Về con chung: Bà A và ông B có 01 con chung là cháu C – sinh ngày 30/9/2014. Sau khi ly hôn, nguyện vọng của bà A là được trực tiếp nuôi con chung cháu C. Hiện cháu C đang sống cùng với bà A, cháu đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc từ mẹ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà A, giao con chung cháu C cho bà A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà A phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà A được ly hôn với ông B.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu C – sinh ngày 30/9/2014 cho bà A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.
Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Bà A phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0006962 ngày 20/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Như vậy, bà A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm
5. Về quyền kháng cáo: Bà A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.Nha Trang;
- Chi cục THA.DS TP.Nha Trang;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND phường M
(số 188 ngày 17/10/2013)
- Lưu án văn, hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đàm Thị Bích Ngọc